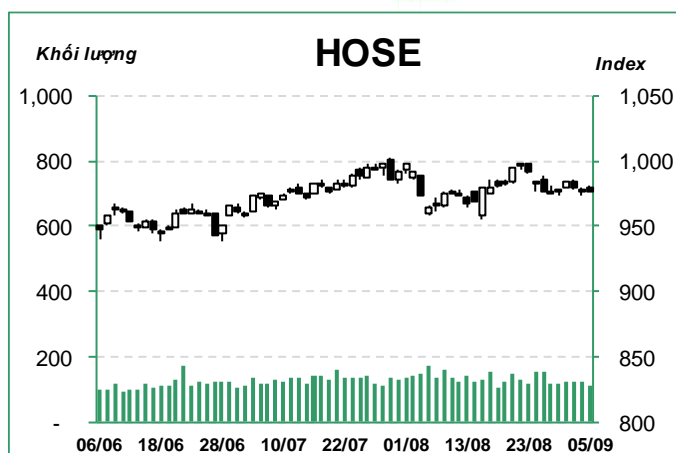


## Tổng quan thị trường

05/09/2019	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>976.79</b>	<b>-0.09%</b>	<b>886.10</b>	<b>-0.11%</b>	<b>100.96</b>	<b>0.02%</b>
Cuối tuần trước	984.06	-0.74%	892.51	-0.72%	102.32	-1.32%
Trung bình 20 ngày	980.75	-0.40%	888.81	-0.31%	102.33	-1.34%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>159.54</b>	<b>1.36%</b>	<b>63.91</b>	<b>-2.90%</b>	<b>16.77</b>	<b>-48.69%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>113.82</b>	<b>-6.57%</b>	<b>42.07</b>	<b>2.04%</b>	<b>15.55</b>	<b>-37.30%</b>
Trung bình 20 ngày	129.58	-12.16%	49.32	-14.68%	21.60	-28.03%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>3,136.98</b>	<b>-17.49%</b>	<b>2,045.24</b>	<b>-13.22%</b>	<b>229.29</b>	<b>-55.41%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>2,232.52</b>	<b>-10.41%</b>	<b>1,386.81</b>	<b>2.27%</b>	<b>208.82</b>	<b>-36.67%</b>
Trung bình 20 ngày	2,813.05	11.52%	1,680.39	21.71%	295.16	-22.32%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	130	35%	10	33%	65	18%
<b>Số mã giảm</b>	172	47%	15	50%	52	14%
<b>Số mã đứng giá</b>	66	18%	5	17%	251	68%



Căng thẳng chính trị ở Hồng Kông và EU dấy lại cộng với thông tin tích cực Mỹ Trung thống nhất trở lại bàn đàm phán vào đầu tháng 10 giúp chứng khoán Châu Á nổi dài đà tăng. Diễn biến này hỗ trợ VN-Index hồi phục sau 2 phiên giảm điểm nhưng sự phân hóa của các cổ phiếu trụ vào phiên chiều cùng đà đà bán ròng của khối ngoại khiến VN-Index đảo chiều cuối giờ.

Ở sàn HOSE, VN-Index giữ mức tăng khá trong hầu hết thời gian giao dịch. Tuy nhiên, chỉ số đảo chiều về cuối phiên và đóng cửa giảm nhẹ tại mức 976.79 điểm (-0.09%). Tâm lý thận trọng khiến thanh khoản tiếp tục sụt giảm với KLGD khớp lệnh đạt 113.8 triệu cổ phiếu (-6.6%), tương đương 2,233 tỷ đồng giá trị (-10.4%).

Các cổ phiếu dẫn dắt đà giảm bao gồm VINAMILK-VNM (-1.5%), VinGroup-VIC (-0.3%), FPT Corp-FPT (-1.1%). Nhóm bất động sản với trụ cột VIC giảm nhẹ nhưng có cổ phiếu lóp dưới như Địa ốc Đất Xanh-DXG (-1.0%), DRH Holdings-DRH (-3.6%), Phát triển Nhà BR-VT-HDC (-2.3%) lại giảm khá nhiều. Bên cạnh đó, sắc đỏ bao trùm nhóm bán lẻ gồm Thế giới di động-MWG (-1.4%), Vàng Phú Nhuận-PNJ (-1.3%), Thế Giới Số-DGW (-1.7%). Ở chiều ngược lại, cổ phiếu ngân hàng nổi bật là Techcombank-TCB (+2.3%), VPBank-VPB (+2.3%), Vietcombank-VCB (+0.4%) có giao dịch tích cực nhất và đóng vai trò lực đỡ cho chỉ số không giảm quá sâu. Còn nhóm BĐS khu công nghiệp sau 2 phiên bị chốt lời quyết liệt thì ghi nhận sự trở lại của các mã như PT KCN Tín Nghĩa-TIP (+7.0%) Sonadezi Châu Đức-SZC (+1.0%), KCN Long Hậu-LHG (+0.6%), dù vậy giao dịch nổi trội vẫn là các mã nằm

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
ROS	18,500.0	462.50
KDC	4,183.5	89.11
ITA	14,010.0	45.15
NVL	695.0	41.05
VNM	260.3	31.89
VJC	200.0	26.04
SAB	95.6	25.21
HPG	1,055.6	22.93
REE	500.0	19.00
FPT	304.5	17.33
<b>HNX</b>		
PGS	420.0	13.44
L62	360.0	2.59
SHS	321.0	2.38
DNP	70.0	1.01
PVI	21.0	0.67
PVS	10.0	0.21
TTZ	24.5	0.18
TNG	0.1	0.00

trên sàn Upcom như Sonadezi-SNZ (+8.9%), Becamex-BCM (6.6%), Đầu tư VRG-SIP (+5.8%).

Khối ngoại tiếp tục đẩy mạnh bán ròng trên sàn HOSE, với giá trị -119.8 tỷ đồng (+224%). Lực bán tập trung ở VNM (-34.1 tỷ), HDB (-12.7 tỷ), VCB (-10.2 tỷ); trái lại, PVT (+6.7 tỷ), PLX (+6.3 tỷ), BMP (+6.2 tỷ) được mua ròng nhiều nhất.

Có diễn biến giằng co hơn VN-Index nhưng HNX-Index giữ được sắc xanh khi chốt phiên đóng cửa tại mức 100.96 điểm (+0.02%). Đà tăng không đi cùng thanh khoản khi KLGD khớp lệnh sụt giảm xuống còn 15.5 triệu cổ phiếu (-37.3%), tương đương 208.8 tỷ đồng giá trị (-36.7%).

Đà tăng của nhóm xây dựng VINACONEX-VCG (+1.9%), Xây lắp dầu khí VN-PVX (+7.7%), CONSTREXIM-CTX (+6.3%) và bảo hiểm Bảo hiểm PVI-PVI (+0.9%), Bảo hiểm Bưu điện-PTI (+2.1%) cùng nhóm ngành nhựa gồm Nhựa Đồng Nai-DNP (+2.6%), Nhựa Tiên Phong-NTP (+0.5%), Bao bì Nhựa SG-SPP (+9.1%) đã triệt tiêu áp lực giảm điểm từ nhóm gạch men gồm VICOSTONE-VCS (-1.3%), Viglacera Tiên Sơn-VIT (-0.7%) và các cổ phiếu vốn hóa lớn trên sàn như SHB-SHB (-1.6%), Điện miền Trung-SEB (-8.4%), Khách sạn Sài Gòn-SGH (-9.9%).

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 7.3 tỷ đồng (-59.2%). Chỉ có PVS (-7.9 tỷ) bị bán ròng với giá trị nổi trội, các mã theo sau như DTD (-0.7 tỷ), NDN (-0.4 tỷ) cũng bị bán ròng nhưng giá trị không lớn. Chiều ngược lại, SHS (+0.5 tỷ), PVI (+0.4 tỷ), DGC (+0.2 tỷ) được mua ròng nhiều nhất.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch tiếp tục suy giảm và duy trì dưới bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền đang đứng ngoài thị trường. Không những vậy, chỉ số cắt xuống dưới MA50 và đóng cửa dưới MA20, cho thấy xu hướng điều chỉnh đang mạnh dần lên. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật khác, như MACD và RSI đang đi xuống tiêu cực, cho thấy chỉ số có thể chịu áp lực suy yếu về vùng hỗ trợ gần quanh 971 điểm (MA100) hoặc xa hơn có thể là vùng 958 – 960 điểm (MA200). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến trái chiều. Mặc dù, chỉ số có phiên tăng điểm trở lại nhưng vẫn duy trì đóng cửa dưới MA5 và 20, cho thấy xu hướng chính trong ngắn hạn có thể vẫn là giảm điểm, chỉ số có thể sớm suy yếu về vùng hỗ trợ tâm lý 100 điểm trong những phiên tiếp theo. Nhìn chung, phiên giảm điểm 05/09 cho thấy áp lực điều chỉnh của thị trường đang gia tăng. Do đó, nhà đầu tư nên cân nhắc giữ tỷ trọng ở mức hợp lý nhằm có sự phòng vệ tốt trước các rủi ro bất ngờ từ thị trường.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HRC	36.0	0.6	7.0%
SRC	23.0	48.6	7.0%
TIP	30.0	97.9	7.0%
TCO	8.8	0.0	6.9%
RIC	6.5	0.0	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FTM	8.1	4.0	-7.0%
LGC	43.7	0.0	-6.9%
AGF	2.9	0.2	-6.8%
DTT	11.2	0.0	-6.7%
TBC	24.8	0.4	-6.4%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ROS	27.1	334.1	3.0%
MWG	116.2	101.6	-1.4%
TCB	22.2	98.0	2.3%
MBB	22.6	82.3	-1.7%
VJC	130.4	72.6	0.0%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ROS	27.1	12,610.2	3.0%
ITA	3.3	6,993.5	0.9%
FLC	3.6	5,224.6	-1.9%
TCB	22.2	4,417.3	2.3%
DLG	1.5	4,099.0	-5.0%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SPI	1.0	163.6	11.1%
C69	22.1	852.2	10.0%
STC	15.2	0.1	9.4%
SPP	2.4	49.3	9.1%
VTS	13.2	0.1	9.1%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HPM	8.1	0.1	-10.0%
SGH	50.9	0.1	-9.9%
IDJ	5.9	259.6	-9.2%
TTL	5.9	1.8	-9.2%
SEB	31.6	0.1	-8.4%

#### Top 5 giá trị

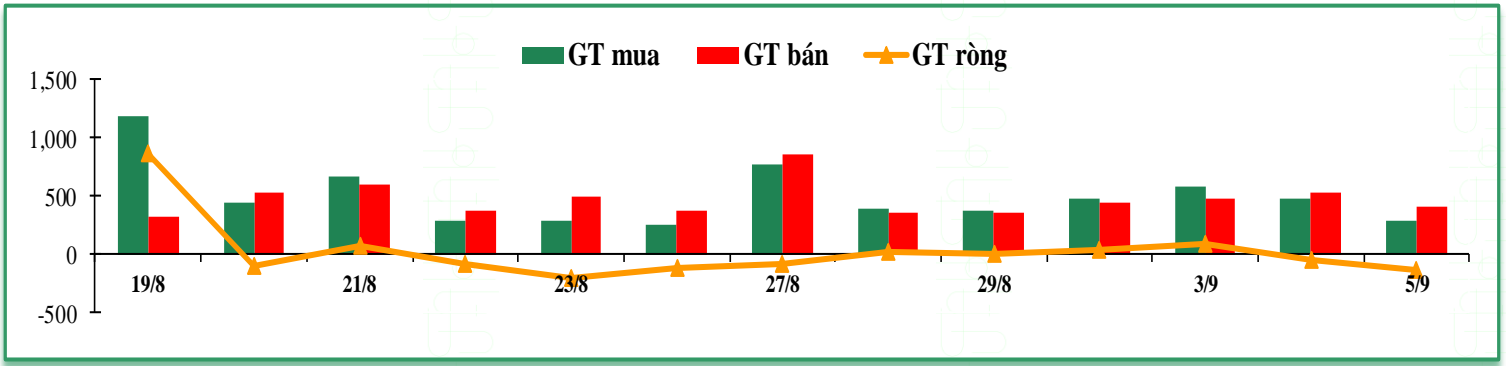
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	20.6	33.3	-0.5%
VCS	81.0	31.7	-1.3%
C69	22.1	18.4	10.0%
ACB	22.0	13.7	0.0%
VCG	26.4	11.5	1.9%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PVS	20.6	1,603.6	-0.5%
SHB	6.2	1,230.5	-1.6%
C69	22.1	852.2	10.0%
ART	2.0	695.0	5.3%
HUT	2.3	687.2	0.0%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	287.1	12.9%	406.9	18.2%	-119.8
HNX	2.4	1.1%	9.6	4.6%	-7.3
<b>Tổng số</b>	<b>289.5</b>		<b>416.5</b>		<b>-127.1</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VJC	130.4	59.4	0.0%
VNM	122.0	35.7	-1.5%
HPG	21.7	30.6	0.5%
VHM	89.0	23.3	0.0%
VIC	122.0	22.5	-0.3%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	122.0	69.8	-1.5%
VJC	130.4	69.0	0.0%
HPG	21.7	40.1	0.5%
VHM	89.0	28.9	0.0%
MSN	74.5	18.8	-0.7%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVT	17.8	6.7	1.4%
PLX	61.0	6.3	0.5%
BMP	50.0	6.2	1.8%
VIC	122.0	4.5	-0.3%
NVL	62.0	4.3	-0.5%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	7.4	0.7	0.0%
PVI	34.3	0.4	0.9%
DGC	27.7	0.2	0.0%
TNG	17.8	0.2	0.0%
AMV	18.4	0.1	0.6%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	20.6	8.0	-0.5%
DTD	16.7	0.7	4.4%
NDN	17.1	0.4	0.0%
BVS	10.7	0.3	-0.9%
SHS	7.4	0.2	0.0%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	7.4	0.5	0.0%
PVI	34.3	0.4	0.9%
DGC	27.7	0.2	0.0%
TNG	17.8	0.2	0.0%
AMV	18.4	0.1	0.6%

## Tin trong nước

### **Đồng Nai dự kiến có thêm 4 khu công nghiệp 1.320 ha**

#### **Mở rộng diện tích, lập thêm 4 khu công nghiệp lớn**

Đơn vị tư vấn thị trường JLL Việt Nam đánh giá nhu cầu dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc đến Việt Nam của các công ty đa quốc gia là một trong những yếu tố thúc đẩy thị trường bất động sản công nghiệp Đồng Nai. Theo báo cáo quý II, nhu cầu thuê tăng mạnh đã đẩy giá thuê đất công nghiệp tại Đồng Nai lên mặt bằng giá mới với 90 USD/m<sup>2</sup>/chu kỳ thuê, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước.

Còn theo CBRE Việt Nam, tỷ lệ lấp đầy của KCN Đồng Nai đã tăng 21% cùng kỳ năm trước. Tổng diện tích cho thuê toàn tỉnh đạt hơn 6.300 ha.

Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cho biết tỉnh có 32 khu công nghiệp (KCN) đang hoạt động với tỷ lệ lấp đầy trên 90%. Đồng Nai là một trong số các địa phương có những KCN đầu tiên của cả nước, ví dụ KCN Biên Hòa 1. Các chủ đầu tư tên tuổi góp mặt tại đây như Sonadezi, Tín Nghĩa, VRG Long Thành, IDICO, D2D, Amata (Thái Lan)...

Trong quy hoạch các KCN Việt Nam được Chính phủ phê duyệt, Đồng Nai có 8 KCN được chấp thuận mở rộng tăng diện tích gồm: Amata (TP Biên Hòa), An Phước, công nghệ cao Long Thành, Long Đức (huyện Long Thành), Tân Phú (huyện Tân Phú), Xuân Lộc (huyện Xuân Lộc), Hồ Nai, Sông Mây (huyện Trảng Bom).

**Theo kế hoạch đặt ra, Đồng Nai sẽ có thêm 4 KCN mới đi vào hoạt động là KCN công nghệ cao Long Thành, KCN Phước Bình (huyện Long Thành), KCN Cẩm Mỹ (huyện Cẩm Mỹ) và KCN Gia Kiệm (huyện Thống Nhất). Tổng diện tích là 1.320 ha. Trong đó, lớn nhất là KCN công nghệ cao Long Thành (500 ha), tiếp đến là Cẩm Mỹ (300 ha), Gia Kiệm (330 ha), Phước Bình (190 ha). Khi 4 KCN này đi vào hoạt động, dự tính sẽ có thêm gần 900 ha đất cho thuê.**

#### **Lãi suất 'nóng' lên trên cả thị trường 1 và 2**

Bộ phận Phân tích Khách hàng cá nhân của CTCP Chứng khoán SSI - SSI Retail Research vừa có báo cáo thị trường tiền tệ tuần cuối tháng 8. Báo cáo ghi nhận kênh tín phiếu có 18.000 tỷ đồng đến hạn nhưng không phát sinh giao dịch mới, số dư tín phiếu về 0.

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chuyển sang mua kỳ hạn 7 ngày tổng cộng 13.133 tỷ đồng với lãi suất không đổi 4,75%/năm, kết thúc chuỗi hơn 5 tháng duy trì số dư tín phiếu lớn hơn OMO.

Tính chung, NHNN đã bơm ròng 31.133 tỷ đồng qua thị trường mở. Bên cạnh đó, NHNN cũng mua vào lượng khá lớn ngoại tệ, giúp tăng cung tiền đồng. Tuy nhiên, nhu cầu VND tăng cao trước kỳ nghỉ lễ 2/9 khiến cho lãi suất trên thị trường liên ngân hàng tăng lên mức 4,35%/năm với kỳ hạn qua đêm, tăng 1,23% so với cuối tuần trước đó.

Nhu cầu tiền đồng của các ngân hàng thương mại (NHTM) trong những ngày đầu tháng 9 dự kiến vẫn cao để đảm bảo nguồn dự trữ bắt buộc nên lãi suất liên ngân hàng có thể duy trì cao thêm một vài ngày tới. SSI Retail Research cho rằng lãi suất này sẽ sớm giảm về 3-3,5%/năm khi qua ngày cao điểm.

Lãi suất huy động trên thị trường 1 cũng nóng lên trong một vài tuần gần đây, khi có nhiều NHTM đặt ra mức cao với kỳ hạn dài dao động 8-8,5%/năm cho tiền gửi 12 tháng và trên 9% với thời gian từ 24 tháng trở lên qua sản phẩm chứng chỉ tiền gửi.

Hầu hết NHTM áp dụng lãi suất huy động tốt hơn với khách hàng cá nhân. Với khách hàng tổ chức, SSI Retail Research nhận thấy lãi suất có tăng thấp ở nhóm NHTM nhỏ nhưng giảm nhẹ ở nhóm các ngân hàng thương mại Nhà nước (SOBs) và các NHTM lớn, ở mức 4,3-5,5%/năm với kỳ hạn dưới 6 tháng, 5,5-7,5%/năm với kỳ hạn 6 đến dưới 12 tháng và 6.4-8.1%/năm với kỳ hạn 12-13 tháng.

Trong tháng 8, có 23 ngân hàng trung ương (NHTW) giảm lãi suất điều hành, xác suất Fed giảm lãi suất trong tháng 9 vẫn duy trì ở mức 100%. Lợi tức trái phiếu Chính phủ Mỹ tiếp tục giảm sâu, đường cong lợi tức đảo ngược với kỳ hạn 10 năm thấp hơn kỳ hạn 2 năm và 3 tháng, lợi tức kỳ hạn 30 năm thấp nhất trong lịch sử (ở mức 1,9626%/năm).

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Coteccons chốt quyền chia cổ tức tiền mặt 30%**

CTCP Xây dựng Coteccons (HoSE: CTD) vừa thông qua việc thanh toán cổ tức năm 2018 bằng tiền với tỷ lệ 30% (mỗi cổ phiếu được nhận 3.000 đồng). Với gần 77,3 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty dự chi số tiền 232 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 27/9. Ngày thanh toán dự kiến là 11/10. Nguồn tiền chi trả được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Năm ngoái, Coteconcs ghi nhận doanh thu thuần 28.561 tỷ đồng, tăng 5% nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ hơn 1.510 tỷ đồng, giảm 9%. Với kết quả đó, các cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2018 với mức chia cổ tức 30%, thấp hơn nhiều so với mức chi trả trên 50% những năm trước đó.

Kế hoạch năm 2019, Coteconcs đề ra chỉ tiêu doanh thu hợp nhất 27.000 tỷ đồng, giảm 5% và lợi nhuận hợp nhất 1.300 tỷ đồng, giảm 14%. Mức cổ tức dự kiến vẫn là 30%.

Trong quý II vừa qua, Coteconcs công bố doanh thu thuần 5.788 tỷ đồng, giảm 30% và lợi nhuận sau thuế 124 tỷ đồng, giảm 71% so với cùng kỳ năm trước và là quý thấp nhất kể từ quý I/2015 tới nay.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu Coteconcs đạt 2.573 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ là 102 tỷ đồng, lần lượt giảm 15% và 20% so với cùng kỳ năm ngoái. Theo đó công ty mới thực hiện 21% kế hoạch lợi nhuận năm 2019.

### **VPBank chốt phương án mua 50 triệu cổ phiếu quỹ**

Hội đồng quản trị VPBank (HoSE:VPB) hôm nay đã ban hành Nghị quyết, quyết định mua 50 triệu cổ phiếu, tương đương xấp xỉ 2% lượng cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường, làm cổ phiếu quỹ. Nghị quyết cũng cho biết ngân hàng sẽ mua cổ phiếu trong khoảng giá từ 20.000 đồng – 24.000 đồng/cổ phiếu và thời gian mua sẽ được thực hiện trong quý IV.

Nguồn vốn dùng mua cổ phiếu quỹ sẽ được trích từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối. Nguồn vốn dùng mua cổ phiếu quỹ sẽ được trích từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối. Hiện tại lợi nhuận năm 2018 còn lại chưa được phân phối của VPBank là 6.252 tỷ đồng.

Trước đó, VPBank đã có tờ trình xin ý kiến các cổ đông về việc mua lại cổ phiếu là cổ phiếu quỹ. Ngân hàng cho biết mục tiêu mua cổ phiếu quỹ, ngoài việc ổn định giá cổ phiếu trên thị trường và tăng tỷ lệ sinh lời trên mỗi cổ phiếu cho các nhà đầu tư. Trong bối cảnh giá đang xuống thấp, đây còn được xem là việc đầu tư vào một tài sản có giá trị và khả năng sinh lời cao trong tương lai.

### **Vietjet dẫn đầu thị phần hàng không nội địa 6 tháng, doanh thu quốc tế tăng 51%**

Công ty CP Hàng không Vietjet (HOSE: VJC) vừa công bố báo cáo tài chính soát xét, theo đó trong 6 tháng đầu năm doanh thu công ty mẹ đạt 20.181 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 1.553 tỷ đồng, tương ứng tăng 22% và 15% so với cùng kỳ năm trước.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Lý Do
1	VPB	Mua	6/9/2019	20.3	20.3	0.0%	22.5	11%	19.3	-5%	Xu hướng phục hồi đang tiếp diễn

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	TNA	Mua	29/8/2019	13.40	13.90	-3.6%	16.0	15%	12.9	-7%	
2	VCB	Mua	22/8/2019	77.60	80.00	-3.0%	88.1	10%	76.0	-5%	
3	VHM	Nắm giữ	21/8/2019	89.00	86.70	2.7%	95.0	10%	82.0	-5%	
4	BID	Mua	19/8/2019	38.50	36.00	6.9%	39.5	10%	34.5	-4%	
5	CVT	Nắm giữ	14/8/2019	20.00	19.80	1.0%	23.0	16%	18.9	-5%	
6	BMP	Mua	8/8/2019	50.00	49.20	1.6%	55.0	12%	45.9	-7%	
7	VIC	Mua	24/7/2019	122.00	119.80	1.8%	128.5	7%	116.4	-3%	
8	VSC	Mua	3/9/2019	29.30	29.70	-1.3%	32.0	8%	28.4	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền (*)	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 05/09/2019								Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**)(VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT1901	1,900	4,200	-6.67 %	121%	2,426	6	52,600	3,818	VND	FPT	45,000	2	11/09/2019
CFPT1902	3,800	8,400	-4.98 %	121%	3,422	25	52,600	6,757	SSI	FPT	46,000	1	30/09/2019
CFPT1903	6,000	11,810	-6.71 %	97%	2,258	116	52,600	7,326	SSI	FPT	46,000	1	30/12/2019
CHPG1901	1,200	140	-6.67 %	-88%	27,289	5	21,700	(0)	MBS	HPG	22,900	2	10/09/2019
CHPG1902	1,000	490	-3.92 %	-51%	1,456	97	21,700	0	KIS	HPG	41,999	5	11/12/2019
CHPG1903	1,500	80	-27.27 %	-95%	12,918	7	21,700	(0)	VPS	HPG	23,200	2	12/09/2019
CHPG1904	2,200	1,270	-2.31 %	-42%	5,689	25	21,700	0	SSI	HPG	23,100	1	30/09/2019
CHPG1905	3,300	3,400	-1.45 %	3%	596	116	21,700	273	SSI	HPG	23,100	1	30/12/2019
CHPG1906	3,750	850	1.19 %	-77%	562	117	21,700	278	SSI	HPG	23,100	1	31/12/2019
CMBB1901	1,900	2,270	-6.97 %	19%	13,222	11	22,600	2,031	SSI	MBB	20,600	1	16/09/2019
CMBB1902	3,200	3,110	-4.31 %	-3%	18,865	103	22,600	1,188	HSC	MBB	21,800	1	17/12/2019
CMWG1901	2,000	7,010	-3.31 %	251%	9,805	4	116,200	6,987	BSC	MWG	88,300	4	09/09/2019
CMWG1902	2,990	8,600	-2.27 %	188%	1,923	97	116,200	6,847	VND	MWG	90,000	4	11/12/2019
CMWG1903	2,700	5,750	-0.52 %	113%	1,390	112	116,200	4,529	HSC	MWG	95,000	5	26/12/2019
CMWG1904	14,000	34,990	-0.88 %	150%	2,771	116	116,200	22,698	SSI	MWG	95,000	1	30/12/2019
CPNJ1901	1,700	900	0 %	-47%	8,202	5	81,400	531	MBS	PNJ	78,800	5	10/09/2019
CVNM1901	1,200	690	-5.48 %	-43%	8,166	99	122,000	0	KIS	VNM	158,888	10	13/12/2019
CMSN1901	1,920	1,600	-1.23 %	-17%	1,371	70	74,500	0	KIS	MSN	88,888	5	14/11/2019
CVIC1901	1,960	2,350	-2.49 %	20%	3,786	70	122,000	0	KIS	VIC	140,888	5	14/11/2019
CVRE1901	1,900	1,340	-1.47 %	-29%	9,819	70	34,100	0	KIS	VRE	40,888	2	14/11/2019

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2018/19E (tỷ)	EPS 2018/19E	BV 2018/19E	ROE 2018/19E	ROA 2018/19E	PE 2018/19E	PB 2018/19E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">CVT</a> (New)	HOSE	20,000	21,779	16/08/2019	164	4,456	18,327	28%	13%	4.9	1.1	25%
<a href="#">ANV</a> (New)	HOSE	24,200	32,432	15/08/2019	677	5,341	16,990	31%	17%	6.1	1.9	N/A
<a href="#">PTB</a> (New)	HOSE	69,000	77,941	31/07/2019	439	9,031	45,750	33%	15%	8.0	N/A	35%
<a href="#">PVS</a> (New)	HNX	20,600	28,300	30/07/2019	1,356	2,837	26,976	11%	6%	10.0	1.0	7%
<a href="#">TNG</a> (New)	HNX	17,800	22,378	27/07/2019	306	4,929	16,924	23%	7%	N/A	N/A	N/A
<a href="#">NKG</a> (New)	HOSE	6,030	6,200	24/07/2019	41	226	16,909	1%	1%	27.0	N/A	N/A
<a href="#">FMC</a>	HOSE	27,300	34,462	17/07/2019	205	4,244	17,316	25%	13%	8.1	2.0	20%
<a href="#">DGW</a>	HOSE	23,600	27,415	12/07/2019	128	3,059	20,794	15%	5%	9.0	1.3	5%
<a href="#">VCS</a>	HNX	81,000	74,930	10/07/2019	1,325	8,284	20,993	49%	30%	9.0	3.5	40%
<a href="#">MWG</a>	HOSE	116,200	103,577	27/06/2019	3,705	8,163	24,967	33%	11%	12.7	4.1	15%
<a href="#">STK</a>	HOSE	21,400	27,398	04/06/2019	211	2,980	15,841	19%	9%	9.2	1.7	15%
<a href="#">PHR</a>	HOSE	62,900	55,300	23/05/2019	1,065	7,858	N/A	37%	20%	7.0	2.4	40%
<a href="#">HPG</a>	HOSE	21,700	33,600	19/04/2019	8,501	4,003	N/A	23%	13%	10.0	2.6	N/A
<a href="#">MSN</a>	HOSE	74,500	96,375	18/04/2019	5,206	4,476	33,331	14%	8%	22.0	2.9	N/A
<a href="#">GAS</a>	HOSE	100,500	90,500	11/04/2019	11,510	6,014	N/A	24%	16%	16.0	2.6	N/A
<a href="#">POW</a>	HOSE	12,850	19,100	13/03/2019	2,133	911	10,685	9%	4%	21.0	1.8	7%
<a href="#">CTD</a>	HOSE	92,500	157,632	25/01/2019	1,608	21,302	117,140	19%	9%	7.4	1.3	50%
<a href="#">BMP</a>	HOSE	50,000	75,200	09/01/2019	499	6,090	33,553	19%	16%	12.4	2.2	40%
<a href="#">CTI</a>	HOSE	23,200	30,370	24/12/2018	139	1,789	23,470	10%	3%	16.9	1.3	10%
<a href="#">QNS</a>	HOSE	30,500	47,753	21/12/2018	1,097	3,751	16,965	23%	15%	12.7	2.8	15%
<a href="#">ANV</a>	HOSE	24,200	42,824	12/12/2018	588	3,890	14,795	38%	18%	12.0	2.9	20%
<a href="#">LHG</a>	HOSE	17,600	27,200	05/12/2018	182	3,643	23,964	16%	9%	7.5	1.1	15%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

### © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn) Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.